

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 26/2022/DS-PT
Ngày: 07-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Ái Loan

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 08-12-2021 của Tòa án nhân dân thị xã D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thu V, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 17, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị K, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 16, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Chị Trần Thị K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2021, đơn khởi kiện bổ sung các ngày 16/4/2021 và ngày 13/7/2021, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 06/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tạ Thu V trình bày: Chị Trần Thị K là hui viên tham gia các dây hui do chị đầu thảo hui (Chủ hui) gồm:

Dây thứ nhất: Mở ngày 29/10/2019 âm (Nhằm ngày 25/11/2019 dương lịch), loại hui 10.000.000 đồng, một tháng mở một lần, gồm 18 phần, chị K tham gia 01 phần và bỏ trúng thăm ở kỳ mở đầu tiên vào ngày 29/10/2019 âm. Sau khi trừ tiền

huê hồng cho đầu thảo bằng 5.000.000 đồng, số tiền chị K được lĩnh bằng 114.000.000 đồng. Do chị K còn nợ tiền mượn của chị bằng 100.000.000 đồng nên chị đã trừ vào số tiền hội chị K được lĩnh, còn lại 14.000.000 đồng chị đã giao đủ cho chị K. Sau đó, chị K chỉ góp được 01 kỳ mở hội số tiền bằng 10.000.000 đồng, còn lại 16 kỳ mở hội tiếp theo thì chị K không góp với số tiền bằng 160.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị V chỉ yêu cầu chị K trả cho chị V tổng số tiền hội mà chị K chưa góp bằng 104.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 20%/năm. Thời gian tính lãi từ ngày 25/12/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Dây thứ hai: Mở ngày 02/5/2020 âm (Nhằm ngày 22/6/2020 dương lịch), loại hội 5.000.000 đồng, một tháng mở một lần, gồm 21 phần, chị K tham gia 01 phần và bỏ trúng thăm ở kỳ mở hội đầu tiên vào ngày 02/5/2020 âm. Sau khi trừ tiền huê hồng cho đầu thảo bằng 2.500.000 đồng, số tiền chị K được lĩnh bằng 71.500.000 đồng. Do chị K không góp tiền hội 09 kỳ của dây hội khác với số tiền bằng 45.000.000 đồng và chị K còn nợ tiền mua thức ăn của ông Lê Văn T, ngụ tại ấp 15, xã L số tiền bằng 15.000.000 đồng, chị đứng ra trả nợ cho ông T thay cho chị K nên chị đã trừ hai khoản nợ này vào số tiền hội chị K được lĩnh, còn lại 11.500.000 đồng chị đã giao cho chị K. Sau đó, chị K chỉ góp được 01 kỳ mở hội bằng 5.000.000 đồng, còn lại 19 kỳ mở hội tiếp theo chị K không góp với số tiền bằng 95.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị V chỉ yêu cầu chị K trả cho chị V tổng số tiền hội mà chị K chưa góp bằng 66.500.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 20%/năm. Thời gian tính lãi từ ngày 22/7/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, chị K còn thiếu tiền hội của chị nhiều lần cộng dồn lại bằng 64.000.000 đồng, nên chị yêu cầu chị K trả số tiền bằng 64.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm. Thời gian tính lãi từ ngày 15/7/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo bị đơn chị Trần Thị K trình bày: Trước đây chị có hội tiền của chị V bằng 80.000.000 đồng, chị đã trả góp cho chị V số tiền bằng 88.000.000 đồng (góp trong 22 ngày, mỗi ngày 4.000.000 đồng), số tiền còn lại tính cộng dồn nên chị không biết còn nợ chị V bao nhiêu tiền. Sau đó, chị V rủ chị tham gia góp hội, dây hội mở ngày 29/10/2019 âm, loại hội 10.000.000 đồng, chị bỏ trúng thăm và được lĩnh tiền hội bằng 114.000.000 đồng nhưng chị V khấu trừ các khoản mà chị còn nợ chị V, rồi chị V chỉ đưa số tiền bằng 10.300.000 đồng. Do chị không có tiền góp các kỳ mở hội còn lại của dây hội mở ngày 29/10/2019 âm cho chị V nên chị V rủ chị tham gia tiếp dây hội mở ngày 02/5/2020 âm, loại hội 5.000.000 đồng và chỉ bỏ trúng thăm được lĩnh tiền hội bằng 71.500.000 đồng, nhưng chị không nhớ chị V có trừ vào số tiền chị còn nợ chị V hay không, cũng không nhớ chị V đã giao tiền hội cho chị bao nhiêu. Nhưng chị thừa nhận còn nợ chị V 13 kỳ mở hội với số tiền bằng 65.000.000 đồng. Riêng số tiền 69.000.000 đồng mà chị ký nhận nợ là tiền lãi của số tiền mượn chị V, không phải tiền hội. Sau đó, chị đã trả cho chị V được 5.000.000 đồng nên còn nợ chị V là 64.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền chị còn nợ chị V bằng 21.800.000 đồng. Ngoài ra, chị đề nghị Tòa án xem xét lại số tiền mượn của chị V bằng 80.000.000 đồng, nhưng đã góp cho chị V đến 104.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 08-12-2021 của Tòa án nhân dân thị xã D đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 385, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thu V đối với số tiền bằng 62.678.960 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 03/02/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của chị Tạ Thu V.

3. Buộc chị Trần Thị K phải trả cho chị Tạ Thu V số tiền bằng 302.257.040 đồng (Ba trăm lẻ hai triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/12/2021, chị Trần Thị K làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử lại sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc chị K trả tiền lãi bằng 67.757.040 đồng, vì trong tiền hui chị K còn nợ chị V có phần lãi nên Tòa án sơ thẩm buộc chị K tiếp tục trả lãi cho chị V là không khách quan.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy chị K kháng cáo cho rằng trong tiền hui chị K còn nợ chị V đã có lãi nên Tòa án sơ thẩm buộc chị K trả lãi tiếp cho chị V số tiền bằng 67.757.040 đồng là tính lãi chồng lãi, là không có căn cứ chấp nhận. Vì chị V chỉ yêu cầu chị K trả tiền hui gốc nên Tòa án sơ thẩm xét xử buộc chị K trả tiền hui gốc và tính lãi trên tiền gốc theo quy định của pháp luật không quá lãi suất giới hạn là đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn chị Tạ Thu V và bị đơn chị Trần Thị

K không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyết định kháng nghị bản án sơ thẩm về khoản tiền hội chi K không góp cho chi V 16 kỳ mở hội còn lại bằng 104.000.000 đồng trong đây hội mở ngày 29/10/2019 âm lịch, loại hội 10.000.000 đồng; khoản tiền hội chi K không góp cho chi V 19 kỳ mở hội còn lại bằng 66.500.000 đồng trong đây hội mở ngày 02/5/2020 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng; khoản tiền hội chi K còn nợ chi V bằng 64.000.000 đồng; khoản lãi 10%/năm trên số tiền vốn 64.000.000 đồng. Do đó, Tòa án phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[2] Bị đơn chi Trần Thị K kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm buộc chi K trả lãi trên hai khoản tiền hội vốn là 104.000.000 đồng và 66.500.000 đồng cho chi V theo mức lãi suất 20%/năm với số tiền bằng 67.757.040 đồng. Xét thấy giao dịch góp hội xác lập giữa chi V và chi K thuộc trường hợp hội có lãi, sau khi được lĩnh tiền hội thì chi K không thực hiện nghĩa vụ của hội viên góp tiền hội ở các kỳ mở hội còn lại cho chi V nên chi K đã vi phạm nghĩa vụ góp hội. Theo điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường thì trường hợp đến kỳ mở hội mà thành viên đã lĩnh hội không góp phần hội hoặc góp phần hội không đầy đủ thì phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự đối với hội có lãi. Theo khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định *“Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này. Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Đối chiếu quy định này của Bộ luật Dân sự thì lẽ ra chi K phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tương ứng với thời gian mở các kỳ hội đến hạn chưa trả, trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự bằng 10%/năm và trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, mới đúng pháp luật. Tuy nhiên, mức lãi suất từng kỳ mở hội có cao, có thấp khác nhau tùy theo mức lãi của thành viên chưa được lĩnh hội đưa ra nên Tòa án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự bằng 20%/năm để xét xử buộc chi K trả lãi trên nợ gốc cho chi V, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, Tòa án sơ thẩm không buộc chi K trả lãi chậm trả cho chi V và không buộc chi K trả lãi trên nợ gốc quá hạn, là giải quyết theo hướng có lợi cho chi K. Cho nên, chi K kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc chi K trả lãi cho chi V số tiền bằng 67.757.040 đồng (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi đồng), là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chi K, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định *“Đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc*

thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm”. Do yêu cầu kháng cáo của chị K không được Tòa án phúc thẩm chấp nhận và chị K không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm nên buộc chị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị K.

Giữ nguyên dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 08-12-2021 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thu V đối với số tiền bằng 62.678.960 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 03/02/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của chị Tạ Thu V.

3. Buộc chị Trần Thị K có nghĩa vụ trả tiền hui vốn và lãi cho chị Tạ Thu V tổng cộng số tiền bằng 302.257.040 đồng (Ba trăm lẻ hai triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Tạ Thu V bằng 9.123.700 đồng (Chín triệu một trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm đồng) theo các biên lai số 0003541 ngày 05/3/2021, số 0006176 ngày 16/4/2021 và số 0008086 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Buộc chị Trần Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 15.112.852 đồng (Mười lăm triệu một trăm mười hai nghìn tám trăm năm mươi hai đồng).

Buộc chị Trần Thị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị Trần Thị K đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008136 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đê